

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 36/2017/HNGĐ-PT

Ngày 15/12/2017

V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Hường

Ông Trương Công Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Kiều Văn Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 15/12/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2017/HNGĐ-PT ngày 06/10/2017 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do bản án Hôn nhân và gia đình số 110/2017/HNGĐ - ST ngày 25/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 143/2017/QĐ-PT ngày 06/11/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Bảo D, sinh năm 1985. Có mặt.

Địa chỉ: Đường L, thôn A, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Viết Toàn K, sinh năm 1983. Có mặt.

Địa chỉ: Đường T, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người kháng cáo: Bà Bùi Bảo D là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Bùi Bảo D trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Viết Toàn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 20/11/2008 tại Ủy ban nhân dân phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Trong quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là: Nguyễn Viết Hoàng N, sinh ngày 25/02/2010 và Nguyễn Hoàng Diễm M, sinh ngày 06/7/2013. Hiện nay cháu M tôi đang trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu N ông K đang trực tiếp nuôi dưỡng.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, quan điểm sống bất đồng, ông K sống thiếu trách nhiệm với vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Đến giữa năm 2016 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng, đến tháng 10/2016 thì tôi bỏ nhà đi vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên nguyện vọng của tôi xin ly hôn với ông K.

Về con chung: Tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Nguyễn Viết Hoàng N, sinh ngày 25/02/2010 và Nguyễn Hoàng Diễm M, sinh ngày 06/7/2013 đến tuổi trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

Hiện vợ chồng không vay mượn tài sản gì của ai cũng như không cho ai vay mượn tài sản gì.

** Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Viết Toàn K trình bày:*

Về thời gian đăng ký kết hôn, về con chung và về tài sản chung như cô D trình bày là đúng.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình chung sống vợ chồng không có xảy ra mâu thuẫn gì, nhưng không hiểu vì lý do gì mà cô D bỏ nhà đi từ tháng 10/2016 cho đến nay không về. Nay cô D khởi kiện yêu cầu xin ly hôn thì quan điểm của

tôi không đồng ý ly hôn, vì tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn vợ chồng không có gì, các con chung còn nhỏ, cần sự chăm sóc cả về vật chất lẫn tinh thần của cả bố và mẹ. Trong trường hợp cô D cương quyết ly hôn nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì quan điểm của tôi :

Về con chung: Tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Nguyễn Viết Hoàng N, sinh ngày 25/02/2010 và Nguyễn Hoàng Diễm M, sinh ngày 06/7/2013 đến tuổi trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu cô D cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

Hiện vợ chồng không vay mượn tài sản gì của ai cũng như không cho ai vay mượn tài sản gì.

Tại bản án Hôn nhân và gia đình số: 110/2017/DS-ST ngày 25/7/2017, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 220; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án.

Không chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Bùi Bảo D.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/7/2017 nguyên đơn bà Bùi Bảo D có đơn kháng cáo với nội dung, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Viết Toàn K.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phúc thẩm:

* Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thấy: Sau thời gian chung sống hạnh phúc, vợ chồng bà D và ông K đã nảy sinh mâu thuẫn, nhưng chưa được tổ dân phố hòa giải; từ tháng 10/2016, bà D bỏ nhà đi vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống cho đến nay.

Như vậy, mặc dù trong cuộc sống vợ chồng bà D có xảy ra mâu thuẫn (đã ly thân và không ở cùng nhau hơn một năm). Tuy nhiên, chưa đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn xin ly hôn của bà D là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó đơn kháng cáo của bà D không có cơ sở xem xét. Vì vậy, Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự - Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Bảo D và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 110 ngày 25/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Bà Bùi Bảo D và ông Nguyễn Viết Toàn K đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/11/2008 tại Ủy ban nhân dân phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, do vậy được pháp luật bảo vệ. Quá trình duy trì quan hệ hôn nhân bà D cho rằng vợ chồng sống không hạnh phúc nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, ông K sống thiếu trách nhiệm với vợ con, bà không còn tình cảm với ông K nên nguyện vọng của bà xin được ly hôn ông K; Ông K cho rằng trong

cuộc sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì, không rõ lý do gì từ tháng 10/2016 bà D đã bỏ nhà đi ở nơi khác sinh sống và ông K xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà D vẫn còn, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng để ly hôn nên nguyện vọng của ông xin được đoàn tụ gia đình để vợ chồng cùng nhau chăm sóc, nuôi dạy con cái .

[3] Xét kháng cáo của bà Bùi Bảo D Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa ông K đều xác định vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì, ông K có mong muốn được đoàn tụ gia đình để vợ chồng cùng nhau chung sống, nuôi dạy con chung. Qua kết quả xác minh tại địa phương xác định bà D đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 10/2016 đến nay, khi đi không khai báo với chính quyền địa phương và tại địa phương chưa tiến hành hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nên không nắm rõ mâu thuẫn vợ chồng xảy ra giữa ông K và bà D. Do vậy, chưa có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông K và bà D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Bảo D mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Về án phí: Do kháng cáo của Bà Bùi Bảo D không được chấp nhận nên bà D phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

1. Không Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Bảo D.

Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 110/2017/DS-ST ngày 25/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Tuyên xử: Không chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Bùi Bảo D.

2. Về án phí:

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Bùi Bảo D phải chịu 200.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà Bùi Bảo D đã nộp theo biên lai số AA/2014/0041203 ngày 01/12/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Về án phí Hôn nhân & gia đình phúc thẩm:

Bà Bùi Bảo D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình phúc

thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà Bùi Bảo D đã nộp (bà Nguyễn Phương Hồng D1 nộp thay) theo biên lai số AA/2016/0001071 ngày 10/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Dương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng